TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/DS-ST
Ngày: 28-8-2019
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Quốc Sách.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Lâm.

2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Êm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2019, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2019/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1953.

Địa chỉ cư trú: ấp Long T, xã Long T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. *(có mặt).*

2. Bị đơn:

2.1. Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1992.

2.2. Anh Trần Hồng A, sinh năm 1983, *(Chồng chị T).*

Cùng địa chỉ cư trú: ấp Long T, xã Long T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

(Cả hai bị đơn đều vắng mặt xét xử lần thứ 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình tố tụng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P: Vào ngày 01-11-2016 bà có cho vợ chồng chị T, anh

Hồng A vay số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp mỗi ngày là 400.000 đồng, thời hạn trả góp là 02 tháng; Sau đó cũng cùng ngày một mình anh Hồng A (chồng chị T) đến vay thêm 12.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp mỗi ngày là 600.000 đồng, thời hạn trả góp là 22 ngày, và khi này bà tính lãi trước của hai phần vay thì được tổng cộng lãi là 5.000.000 đồng, cộng vào với tiền gốc hai khoản 32.000.000 đồng, thành tổng là 37.000.000 đồng, và mặt dù lúc đầu tính thời hạn như vậy, nhưng cuối cùng gộp chung hai phần lại thì vợ chồng chị T phải trả góp cho bà mỗi ngày là 1.000.000 đồng, trong thời hạn 37 ngày là hết 37.000.000 đồng (Việc cho vay và thỏa thuận trên không làm giấy và cũng không ai biết). Sau đó vợ chồng chị T, anh Hồng A có trả góp cho bà được 11.000.000đ theo thỏa thuận, nhưng về sau vợ chồng chị T, anh Hồng A không thực hiện đúng theo thỏa thuận nữa mà mỗi ngày chỉ trả góp được 20.000 đồng, 50.000 đồng, 100.000 đồng… có ngày không trả, tổng cộng góp thêm được 6.000.000 đồng, rồi không trả góp nữa. Như vậy tổng cộng từ ngày 01-11-2016 đến khoảng tháng 01-2019 bà chỉ nhận của vợ chồng chị T, anh Hồng A trả góp được là 17.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu vợ chồng T, Hồng A liên đới trả bà 20.000.000 đồng còn lại và trả lãi tạm tính từ 01-02-2017 đến ngày 01-02-2019 (ngày gửi đơn khởi kiện) là 24 tháng mỗi tháng lãi suất là 2% (20.000.000 đồng x 24 tháng x 2% = 4.800.000 đồng), tổng cộng là 24.800.000 đồng và yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng chị T, anh Hồng A trả lãi tiếp cho đến ngày xét xử hôm nay.

Trong quá trình tố tụng bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Trần Hồng A trình bày: Vào ngày 01 tháng 11 năm 2016 anh, chị có vay của bà P hai lần: lần nhất 20.000.000 đồng, lần hai một mình anh Hồng A vay 15.000.000 đồng, hình thức trả góp mỗi ngày 1.000.000 đồng, thời hạn góp là 22 ngày, việc vay tiền hai bên không có làm biên nhận, không có ký sổ nào của bà P. Sau đó phần 20.000.000 đồng trả góp được 13 lần = 13.000.000 đồng, phần 15.000.000 đồng trả góp được 6.000.000 đồng, như vậy cả hai phần anh, chị còn nợ bà P là 16.000.000 đồng gốc, lãi là 2.000.000 đồng, tổng cộng 18.000.000 đồng, và kể từ đó bà P mỗi ngày đều đến nhà anh, chị góp tiền có ngày anh, chị trả 500.000 đồng, có ngày trả 200.000 đồng, có ngày trả 30.000 đồng, có ngày trả 50.000 đồng, có ngày trả 20.000 đồng…. góp qua hơn 02 năm, số tiền vợ chồng anh, chị trả góp là đã vượt quá số tiền nợ của bà P, việc trả như anh, chị trình bày trên là không làm giấy, cũng không ai biết. Do đó anh, chị không còn nợ bà P nữa, nên không thống nhất theo yêu cầu của bà P, và không yêu cầu xem xét lại phần tiền đã trả.

Tại phần tranh luận các đương sự không có ý kiến tranh luận thêm.

***Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến*:** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và qua kết quả tranh luận của những người tham gia

tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy: Tại bản tự khai ngày 16-4-2019 (bút lục 20) bị đơn Nguyễn Thị Hồng T khai: Vợ chồng chị có vay của bà P 20.000.000 đồng góp mỗi ngày 1.000.000 đồng, góp được 13.000.000 đồng; chồng chị T là anh Trần Hồng A có vay của bà P là 15.000.000 đồng trả được 6.000.000 đồng, còn nợ 9.000.000 đồng. Nhưng việc trả nợ không có làm biên nhận, cũng không ai chứng kiến và cũng không có gì chứng minh.

Tuy nhiên, nguyên đơn bà P cho rằng: vợ chồng chị T vay gốc 32.000.000 đồng, có trả cho bà được 17.000.000 đồng. Còn nợ gốc: 20.000.000 đồng và tiếp tục tính lãi 02%/tháng trên nợ gốc 20.000.000 đồng tính từ 01-02-2017 đến 01-02-2019.

Xét thấy, căn cứ vào bản khai cũng như sự thừa nhận nợ của vợ chồng chị T, anh Hồng A nên việc bà P yêu cầu chị T, anh Hồng A có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền vay còn nợ gốc 32.000.000 đồng, có trả được 17.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, khi yêu cầu thì bà P đã gộp số tiền gốc 32.000.000 đồng với phần tiền lãi là 5.000.000 đồng và yêu cầu vợ chồng chị Tr, anh Hồng A phải trả là: 37.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà P trình bày đã gộp phần nợ gốc 32.000.000 đồng và lãi 5.000.000 đồng. Tổng cộng: 37.000.000 đồng và vợ chồng chị T, anh Hồng A góp cho bà mỗi ngày là 1.000.000 đồng. Như vậy, theo thỏa thuận thì phải góp đủ 37 ngày thì mới đủ 37.000.000 đồng. Cũng tại phiên tòa, bà P yêu cầu vợ chồng chị T trả lãi 02%/tháng trên số nợ gốc từ thời điểm vay cho đến ngày xét xử 28-8-2019. Như vậy, về nợ gốc và phần lãi suất theo yêu cầu của bà P chưa phù hợp với quy định của pháp luật nên điều chỉnh lại.

Từ những phân tích trên cho thấy bà P yêu cầu chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Trần Hồng A liên đới trả cho bà số tiền đã vay còn nợ là có cơ sở chấp nhận một phần.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn buộc chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Trần Hồng A liên đới trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền vay gốc và lãi suất theo quy định pháp luật.

Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo qui định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp cùng với bị đơn tại huyện H, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng T, anh Trần Hồng A đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa để tham gia việc xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do, nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

Theo hồ sơ thể hiện cũng như qua diễn biến tranh tụng tại phiên tòa, thì nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày là trong ngày 01 tháng 11 năm 2016 bà P có cho chị T, anh Hồng A vay lần thứ nhất 20.000.000 đồng, lần thứ hai 12.000.000 đồng, tổng cộng hai lần với số tiền là 32.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng và thống nhất tính lãi trước là 5.000.000 đồng, cộng chung với gốc thành 37.000.000 đồng, hình thức sẽ trả góp dứt điểm trong 37 ngày, mỗi ngày 1.000.000 đồng (việc thỏa thuận vay bằng hình thức miệng). Sau đó chị T, anh Hồng A góp không đúng hạn thỏa thuận mà mãi đến tháng 01 năm 2019 mới góp được tổng cộng là 17.000.000 đồng, còn lại 20.000.000 đồng; Tại biên bản hòa giải ngày 16-4-2019 bị đơn chị T, anh Hồng A trình bày cũng thống nhất như lời nguyên đơn bà P trình bày, nhưng vay lần thứ hai là 15.000.000 đồng và lãi suất chỉ có 2.000.000 đồng, cộng với gốc 32.000.000 đồng thành 34.000.000 đồng và anh, chị đã trả góp qua hơn 02 năm là hơn số nợ của bà P đã tính, nên không còn nợ nữa. Hội đồng xét xử, xét thấy: Đối với việc vay tiền lần hai thì hai đương sự khai có chênh lệch, tuy nhiên phía bị đơn chị T, anh Hồng A không có căn cứ chứng minh, trong khi đó phía nguyên đơn bà P khai là chỉ cho vay lần hai 12.000.000 đồng, vậy lời khai này có lợi cho bị đơn nên chấp nhận. Như vậy giữa nguyên đơn với bị đơn đã thống nhất số tiền vay, hình thức trả, thời hạn trả, nhưng không thống nhất về mức lãi suất và bị đơn chị T, anh Hồng A cho rằng đã trả góp dứt nợ cho nguyên đơn bà P, nhưng chị T, anh Hồng A không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho việc trả dứt nợ của mình, trong khi đó nguyên đơn bà P chỉ thừa nhận mới nhận được có 17.000.000 đồng (cả gốc và lãi), nên không chấp nhận lý lẽ đưa ra của bị đơn chị T, anh Hồng A, mà thấy rằng yêu cầu của nguyên đơn bà P là có cơ sở để chấp nhận, vì có lợi cho bị đơn. Tuy nhiên, thấy việc tính lãi của nguyên đơn bà P là quá cao so với pháp luật quy định, mức lãi nguyên đơn tính tương đương với 10%/tháng và đã được áp dụng nhận trả góp của bị đơn chị T, anh Hồng A vừa gốc, lãi là 17.000.000 đồng, do đó cần căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *"Giao dịch dân sự đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật này…*" để làm cơ sở áp dụng các Điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015 điều chỉnh lãi suất lại theo quy định:

Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự: "1. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay ……"

Điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự:

"5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

....."

Như vậy trong vụ án này được tính như sau:

+ Từ ngày 01-11-2016 (ngày vay) đến ngày 08-12-2016 (khoản thời hạn vay) là 37 ngày x 32.000.000 đồng (gốc) x 0,05%/ngày (khoản 1 Điều 468) = 592.000 đồng (lãi trong hạn gốc).

+ Trừ vào số tiền đã nhận là 17.000.000 đồng – 592.000 đồng = 16.408.000 đồng. (phần đã nhận thừa)

+ Trừ vào tiền gốc là 32.000.000 đồng – 16.408.000 đồng = 15.592.000 đồng (tiền gốc còn lại).

+ Tính lãi chậm trả từ ngày 09-12-2016 đến ngày 28-8-2019 (ngày xét xử sơ thẩm) là 979 ngày x 15.592.000 đồng (gốc) x 0,02%/ngày (điểm a khoản 5 Điều 466) = 3.052.913 đồng (lãi chậm của phần trả gốc còn lại).

* Tổng cộng gốc còn lại và lãi chậm trả đến ngày xét xử mà bị đơn chị T, anh Hồng A còn phải trả cho nguyên đơn bà P là: 15.592.000 đồng + 3.052.913 đồng = 18.644.913 đồng (lấy tròn 18.645.000 đồng).

Từ đó chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án để tính án phí. Trong vụ án thì bị đơn chị T, anh Hồng A có nghĩa vụ trả nợ vay cho nguyên đơn bà P, nên bị đơn chị T, anh Hồng A liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 18.645.000 đồng x 5% = 932.250 đồng (lấy tròn 932.000 đồng); nguyên đơn bà P không được chấp nhận một phần yêu cầu, lẽ ra phải chịu án phí, nhưng bà P thuộc trường hợp người cao tuổi, nên được miễn toàn bộ tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 91, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân Sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P, về việc đòi tiền cho vay đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng T, anh Trần Hồng A.

2. Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng T, anh Trần Hồng A có nghĩa vụ liên đới trả nợ vay cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị P tổng số tiền là 18.645.000 đồng *(Mười tám triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thi hành số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành cho đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng T, anh Trần Hồng A phải liên đới nộp 932.000 đồng *(Chín trăm ba mươi hai ngàn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, do thuộc trường hợp người cao tuổi.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 28-8-2019). Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng T, anh Trần Hồng A vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lâm Quốc Sách